

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 -3- 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cường – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại Phòng xét xử Toafans nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 - 12 - 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân Th – sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Trọng T - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 -11 - 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Trương Trọng T vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, cả hai đều lo làm ăn, luôn quan tâm nhau. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi chị mang thai và sinh con được hai tháng, nguyên nhân là do anh T có người phụ nữ khác, vì vậy không quan tâm đến vợ, con. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên can nhưng anh T không từ bỏ. Hiện tại chị và anh T đã không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Xuân Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Trọng T.

Về con chung: Chị Th và anh T có một con chung tên Trương Thị Kiều L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2009, hiện con chung đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th khai không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Trương Trọng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng anh T không đến Tòa để giải quyết vụ việc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án không thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn là vi phạm quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị Th được ly hôn anh T, con chung giao cho chị Th nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/11/2018 chị Nguyễn Thị Xuân Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Trọng T hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trương Trọng T đúng theo quy định nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Trương Trọng T sống chung trước năm 2010, đến năm 2010 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chung thủy, không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau từ đó chị và anh T sống ly thân. Mặc dù anh T không có ý kiến cho Tòa án biết liên quan đến việc chị Th yêu cầu ly hôn. Nhưng theo lời trình bày của bà Trương Thị C (chị ruột của anh T) thì tất cả các thông báo của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ giao thì anh T đã nhận được đúng theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà C còn cho biết trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện tại vợ chồng anh T và chị Th đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Điều đó chứng tỏ giữa chị Th và anh T đã xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng trong quan hệ hôn nhân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị Nguyễn Thị Xuân Th được ly hôn anh Trương Trọng T.

[3] Về con chung: chị Th và anh T có một con chung tên Trương Thị Kiều L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2009 hiện con chung đang sống với chị Th và có nguyện vọng sống với chị Th. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: không có và không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Nguyễn Thị Xuân Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Xuân Th được ly hôn anh Trương Trọng T

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Kiều L - sinh ngày 05 tháng 12 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Xuân Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Anh Trương Trọng T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Xuân Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001620 ngày 14 - 12 - 2018 của Chi cục Thi án dân sự huyện Đức Phổ.

Chị Nguyễn Thị Xuân Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Trương Trọng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Kha